| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2025
*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Trương Thị Lệ Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Văn Hồng, ông Trần Trung Thành

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án tỉnh Hà Tĩnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2024 về "Tranh chấp Hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐ-ST ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin vắng mặt)

**- Bị đơn**: Anh Trương Ngọc T1, sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang sinh sống tại Đài Loan (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Ngọc T1 kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 26/10/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8/2017, anh Trương Ngọc T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và ít liên lạc với vợ con, không gửi tiền chăm lo cho gia đình. Hiện nay, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được do đó chị Nguyễn Thị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Ngọc T1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có có 01 con chung tên là Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 20/01/2017. Hiện nay con đang sống cùng với ông bà nội là bố mẹ anh Trương Ngọc T1, chị T có nguyện vọng giao con Trương Ngọc Gia H cho anh Trương Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Cháu Trương Ngọc Gia H có trình bày nguyện vọng được sống cùng với bố và ông bà nội.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án vì lý do công việc.

Đối với bị đơn anh Trương Ngọc T1: Ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh qua Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cũng như về xác minh tại gia đình ông Trương Ngọc K và bà Nguyễn Thị D (bố mẹ đẻ anh Trương Ngọc T1) được ông bà cung cấp thông tin như sau: chị Nguyễn Thị T và anh Trương Ngọc T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 26/10/2016 theo đúng quy định pháp luật và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Hiện anh T1 đang lao động tại Đài Loan, ông bà không biết địa chỉ cụ thể. Việc chị T làm thủ tục ly hôn, gia đình đã thông báo lại cho anh T1, anh T1 trao đổi tùy chị T quyết định. Anh T1 thống nhất với ý kiến của chị T là anh sẽ chịu trách nhiệm nuôi con chung Trương Ngọc Gia H, việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy chị T. Ông bà tự nguyện nuôi cháu H trong thời gian anh T1 đang lao động ở nước ngoài và đồng ý giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án và thông báo đầy đủ lại cho anh T1.

Để có đầy đủ căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại Đ (VOV5) đăng thông tin cho anh Trương Ngọc T1. Đ đã đăng thông tin cho anh Trương Ngọc T1 trong các ngày 30,31/12/2024 và ngày 01/01/2025 nhưng anh Trương Ngọc T1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau và đề nghị Tòa án áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Điều 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

- Về tình cảm: chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Trương Ngọc T1.

- Về con chung: Giao con chung Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 20/01/2017 cho anh Trương Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí giải quyết vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định:

**[1].** ***Về tố tụng:***

Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Ngọc T1 kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 26/10/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8/2017, anh Trương Ngọc T1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và ít liên lạc với vợ con, không gửi tiền chăm lo cho gia đình. Hiện nay, nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị Nguyễn Thị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Ngọc T1.

Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Chị Nguyễn Thị T hiện trú tại thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vì lý do công việc nên chị có ý kiến vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Anh Trương Ngọc T1 hiện đang sống và lao động tại Đài Loan. Tại công văn cung cấp thông tin xuất nhập cảnh số 161/QLXNC-Đ1, ngày 20/022025 của Phòng Q - Công an tỉnh H, xác nhận anh Trương Ngọc T1, sinh năm 1991. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, số hộ chiếu: B5629529 cấp ngày 29/7/2011 đã xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 13/10/2017 tại sân bay quốc tế T, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh Trương Ngọc T1 đang lao động tại Đài Loan không có địa chỉ cụ thể, thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

**[2].** ***Về nội dung:***

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Trương Ngọc T1 có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/10/2016 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân của chị T, anh T1 là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân trong thời

gian dài, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trương Ngọc T1.

Đối với bị đơn anh Trương Ngọc T1: Ngay từ khi thụ lý Tòa án đã thực hiện việc tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh qua chính quyền địa phương xã K và qua gia đình ông bà Trương Ngọc K, Nguyễn Thị D (bố mẹ đẻ anh Trương Ngọc T1), được biết: chị Nguyễn Thị T và anh Trương Ngọc T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 26/10/2016 theo đúng quy định pháp luật và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Hiện anh T1 đang lao động tại Đài Loan, ông bà không biết địa chỉ cụ thể. Việc chị T làm thủ tục ly hôn, gia đình đã thông báo lại cho anh T1, anh T1 trao đổi tùy chị T quyết định.

Về con chung: Anh T1 thống nhất với ý kiến của chị T là anh sẽ chịu trách nhiệm nuôi con chung Trương Ngọc Gia H, việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy chị T. Ông bà tự nguyện nuôi cháu H trong thời gian anh T1 đang lao động ở nước ngoài và đồng ý giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án và thông báo đầy đủ lại cho anh T1.

Để có đầy đủ căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại đài tiếng nói Việt Nam đăng thông tin cho anh Trương Ngọc T1. Đ đã đăng thông tin cho anh Trương Ngọc T1 trong các ngày 30,31/12/2024 và ngày 01/01/2025 nhưng anh Trương Ngọc T1 không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Ngọc T1.

[2.2] *Về con chung*: Giao con chung Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 20/01/2017 cho anh Trương Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T1 đang lao động ở nước ngoài, tạm giao cháu H cho ông bà nội là ông Trương Ngọc K, bà Nguyễn Thị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo*: nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 464, 469, 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, cụ thể:

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trương Ngọc T1

**2. Về con chung:** Giao con chung Trương Ngọc Gia H, sinh ngày 20/01/2017 cho anh Trương Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm (được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000225 ngày 18/12/2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

**4. Về chi phí tố tụng khác**: Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 2.250.000đ tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

**5. Về quyền kháng cáo**: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Khang;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Lệ Thu**